TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày 14/9/2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Tấn Lãm

Bà Nguyễn Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Ngọc Ánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Ông Mai Phi Hùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2021/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Vi Q, sinh năm 1992 "có đơn xin vắng mặt";

Địa chỉ: Khu phố 1, phường T, thành phố X, tỉnh Bình Phước;

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn D, sinh năm 1989 "có đơn xin vắng mặt";

Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện B, tỉnh Bình Phước;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 5 năm 2021 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bà Nguyễn Thị Vi Q trình bày như sau:

- *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Vi Q và ông Trần Văn D tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Hạnh, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 11 tháng 12 năm 2018. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông D thường xuyên chơi cá độ, cờ bạc, không lo lắng cho

gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông D.

- *Về con chung:* Bà Q và ông D có 01 người con chung là Trần Nguyễn Thiên P, sinh ngày 20/5/2020. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung đến khi thành niên.

- *Về cấp dưỡng:* Bà Q yêu cầu ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ ngày có bản án (quyết định) ly hôn giữa bà và ông D.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

2. Tại bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 28 tháng 6 năm 2021, bị đơn là ông D trình bày:

- *Về hôn nhân:* Ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Vi Q và tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Hanh, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 11 tháng 12 năm 2018. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không được hạnh phúc, vợ chồng không có tiếng nói chung trong kinh tế gia đình. Nay ông D xác định tình cảm, vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau. Nay, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Q.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Vợ chồng có 01 người con chung là Trần Nguyễn Thiên P, sinh ngày 20/5/2020. Đối với cháu Phúc hiện nay còn nhỏ nên ông D đồng ý giao cho bà Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Đồng thời ông cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Phúc mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi cháu Phúc đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Về các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Q được ly hôn ông D; về con chung: Giao con chung Trần Nguyễn Thiên P, sinh ngày 20/5/2020 cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc ông Trần Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Nguyễn Thiên P mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/9/2021).

Các vấn đề khác: Đề nghị giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vi Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn D theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn ông D cư trú tại xã Đức Hạnh, huyện B, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện B.

[2] Đối với nguyên đơn bà Q và bị đơn ông D đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Q và ông D.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Vi Q và ông Trần Văn D tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Hạnh, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 11 tháng 12 năm 2018. Xét đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Giữa bà Q và ông D trong thời gian chung với nhau không có hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông D thường xuyên chơi cá độ, cờ bạc, không lo lắng cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông D. Mặt khác theo lời trình bày của ông D cũng xác định vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc và không có tiếng nói chung và không còn tình cảm vợ chồng với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà Q và ông D không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q. Cho bà Q ly hôn với ông D.

[4] Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống bà Q và ông D có 01 người con chung Trần Nguyễn Thiên P, sinh ngày 20/5/2020. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Q yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu được nuôi con là quyền, nghĩa vụ của bà Q và ông D đã được quy định tại điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Tại bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt

của ông D đồng ý giao cháu Phúc cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay cháu Phúc đang còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi, Hội đồng xét xử xử xét thấy yêu cầu của bà Q và nguyện vọng giao con chung là cháu Phúc cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Phúc nên cần giao cháu Phúc cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 18 tuổi. Thời hạn giao con cho bà Q kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng: Trong quá trình gải quyết vụ án bà Q yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi cháu Phúc mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi cháu Phúc đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha, mẹ và người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, để cháu Phúc có đủ điều kiện để phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, đạo đức để trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội thì đối với yêu cầu ông D cấp dưỡng là có căn cứ nên được chấp nhận. Đối với yêu cầu số tiền cấp dưỡng nuôi cháu Phúc mỗi tháng 4.000.000 đồng của bà Q là phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời tại bản tự khai ngày 28 tháng 6 năm 2021 ông Dũng cũng đồng ý mức cấp dưỡng theo yêu cầu của bà Q. Do đó cần buộc ông D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phúc mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi cháu Phúc đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/9/2021).

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà bà Q phải chịu. Ông D phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Vi Q và ông Trần Văn D.

2. Về nuôi con: Giao con chung Trần Nguyễn Thiên P, sinh ngày 20/5/2020 cho Nguyễn Thị Vi Q trực tiếp nuôi đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Thời hạn giao con chung cho bà Q kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Trần Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con một tháng 4.000.000 đồng cho đến khi cháu Phúc trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/9/2021).

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Q phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007627 ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, ông D phải chịu.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Công